

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 3638 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v ứng trước vốn đối ứng của các dự án ODA trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Công văn số 1854/TTg-KTTH, ngày 21/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung kế hoạch vốn đối ứng cho một số dự án ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ công văn số 9009/BKHĐT-TH, ngày 27/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ứng trước kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW (vốn đối ứng) giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 590/HĐND-VP ngày 02/12/2016 của Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh về giao kế hoạch vốn đối ứng cho một số dự án ODA ứng trước kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW (vốn đối ứng) giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2242/KHĐT-KTĐN ngày 10/11/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho các chủ đầu tư vốn ứng trước của các dự án ODA trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương (vốn đối ứng) giai đoạn 2016-2020 là 67,8 tỷ đồng cho 03 dự án (Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư cụ thể như sau:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tình hình thực hiện và giải ngân số vốn được ứng trước nêu trên theo biểu mẫu số III kèm theo Quyết định 2038/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016.

2. Sở Tài chính hướng dẫn thanh toán, giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định.

3. Các chủ đầu tư căn cứ danh mục dự án được ứng trước vốn đối ứng nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020 đẩy nhanh tiến độ dự án, tiến hành các thủ tục thanh toán, giải ngân hết số vốn theo đúng thời hạn quy định; đồng thời, báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình thực hiện và giải ngân số vốn được ứng trước nêu trên (theo biểu mẫu đính kèm) trước ngày 10/01/2017.

Điều 3. Thời hạn giải ngân: Đến hết ngày 31/01/2017.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp & PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, các Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Các Ban của Đảng và HĐND tỉnh (để giám sát);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- UBND TP BMT;
- Cty TNHH MTV Đô thị và Môi trường;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH(7556)

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

DANH MỤC DỰ ÁN ỨNG TRƯỚC VỐN ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI
(VỐN ODA VÀ VỐN TRẢ ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
 Kèm theo Quyết định số **3638/QĐ-UBND** ngày **06/12/2016** của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đợt: *Thứ 1*



TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch 2012, 2013				Quyết định đầu tư điều chỉnh					Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2016 được Thủ tướng Chính phủ giao			Ứng trước vốn đối ứng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Ghi chú	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBT			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn đối ứng	Trong đó:				Vốn đối ứng	Trong đó:			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)	Vốn đối ứng của NSTW			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)
								Tổng số	NSTW				Quy đổi ra tiền Việt	Tổng số						
	Tổng số					7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
						1.639.333	426.820	298.768	1.212.513		1.685.741	472.479	320.235	1.213.262	206.991	18.000	188.991	67.800		
1	Dự án mở rộng hệ thống thoát nước mưa, nước thải và đấu nối hộ gia đình Tp. Buôn Ma Thuột	Cty TNHH MTV ĐT&MT Đắk Lắk	TP. BMT	2012-2019	2414/QĐ-UBND ngày 16/9/2011; 2267/QĐ-UBND ngày 05/10/2012	504.152	204.813	143.369	299.339	3578/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	504.152	204.813	143.369	299.339	81.500	10.000	71.500	17.500		
2	Dự án Phát triển các thành phố loại 2 tại Quảng Nam, Hà Tĩnh, Đắk Lắk- Tiểu dự án Buôn Ma Thuột	Cty TNHH MTV ĐT&MT Đắk Lắk và UBND TP BMT	TP. BMT	2014-2019	1085/QĐ-UBND, 05/6/2013	862.181	203.653	142.551	658.528	143/QĐ-UBND ngày 14/01/2016	862.181	203.653	142.557	658.528	92.491	5.000	87.491	40.300		
3	Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	các huyện trong tỉnh	2014-2018	1261/QĐ-BNN-HTQT, 04/6/13	273.000	18.354	12.848	254.646	3608/QĐ-UBND ngày 31/12/2015; 3609/QĐ-UBND ngày 31/12/2015; 3610/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	319.408	64.013	34.309	255.395	33.000	3.000	30.000	10.000		

Ghi chú:

- Dự án Phát triển các thành phố loại 2 tại Quảng Nam, Hà Tĩnh, Đắk Lắk- Tiểu dự án Buôn Ma Thuột giao UBND thành phố Buôn Ma Thuột (đơn vị đầu mối) phối hợp với Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk phân khai chi tiết để thực hiện dự án đảm bảo giải ngân đúng quy định.
- Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phân khai chi tiết để thực hiện và hoàn trả vốn ứng ngân sách tỉnh 7.372 tỷ đồng tại Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của UBND tỉnh về việc ứng trước kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2017 cho Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên.

